

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đảm

2. Ông Đoàn Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 1416/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đ Th Th H, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ tạm trú: Số 11/12, Khu phố 8, đường D, phường Ph, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Ng Đ Đ, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: xã Th, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Số 101/1, Tổ 1, khu phố B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đ Th Th H trình bày:

Bà H và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30; Quyền số 1 ngày 22/7/2009. Quá trình

chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, bà không còn yêu thương chồng, đã sống ly thân và không còn quan hệ sinh lý với nhau hơn 01 năm rồi. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau nữa. Trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn thì bà cũng cương quyết không quay trở về đoàn tụ với ông Đ.

Do, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ng Đ Th S, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2007 và cháu Ng Đ Nh A, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015. Khi ly hôn, bà H yêu cầu giao cháu Ng Đ Nh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Ng Đ Th S bà H đồng ý giao cháu S cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Ng Đ Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân.

Riêng về mâu thuẫn vợ chồng ông Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông không mang hạnh phúc đến cho vợ nên vợ ông tự ý bỏ đi nơi khác sinh sống và không yêu thương, quan tâm, chăm sóc ông nữa. Trong quan hệ sinh lý vợ chồng, ông rất muốn gần gũi với vợ, nhưng vợ không đồng ý. Tuy nhiên, do ông vẫn còn thương yêu vợ con và mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ng Đ Th S, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2007 và cháu Ng Đ Nh A, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về quan hệ hôn nhân và bà H yêu cầu giao cháu Ng Đ Nh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục thì ông đồng ý theo nguyện vọng của H và ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng Đ Th S.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện ông Đ yêu cầu ly hôn, ông Đ hiện đang tạm trú tại địa chỉ: Số 101/1, Tổ 1, khu phố B, phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông Ng Đ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ Th Th H và ông Ng Đ Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30; Quyển số 1 ngày 22 tháng 7 năm 2009, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; bà không còn yêu thương chồng nữa; vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm và không còn quan hệ sinh lý với nhau nữa. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ.

Ông Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, nhưng chưa đến mức trầm trọng, ông còn thương yêu vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Mặt khác, quá trình tố tụng Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng bà H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Ng Đ Th S, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2007 và cháu Ng Đ Nh A, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015. Khi ly hôn, bà H yêu cầu giao cháu Ng Đ Nh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Ng Đ Th S bà H đồng ý giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, quá trình tố tụng bà H yêu cầu giải quyết về con chung và được ông Đ đồng ý. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 27 tháng 12 năm 2018 cháu S cũng có nguyện vọng muốn sống với ông Đ, riêng cháu A còn quá nhỏ nên bà H yêu cầu giao cháu A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông Đ không yêu cầu bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ Th Th H với bị đơn ông Ng Đ Đ về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ Th Th H được ly hôn với ông Ng Đ Đ.

- Về con chung: Giao cháu Ng Đ Th S, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2007 cho ông Ng Đ Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Ng Đ Nh A, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015 cho bà Đ Th Th H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ Th Th H và ông Ng Đ Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đ Th Th H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024703 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã Th, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết